TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Thành Công**

2. Bà **Huỳnh Thị Phượng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 421/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. **Bị đơn**: Anh **Huỳnh Văn L**, sinh năm xxxx. (*vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 24/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh L cưới năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện TV, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới, vợ chồng chị sinh sống tại Cà Mau đến năm 2017 thì chuyển về ấp X, xã K cất nhà sinh sống. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính của anh L hay cằn nhằn, khó khăn. Trước đây, anh L còn hay đánh đập chị và có hành vi bạo lực gia đình. Nay chị không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh L chung sống có 03 con chung tên Huỳnh Phương L1, sinh ngày xxxx; Huỳnh Gia B, sinh ngày xxxx và Huỳnh Gia H, sinh ngày xxxx,

hiện đang sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn L vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, chị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn L. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Huỳnh Phương L1, sinh ngày xxxx; Huỳnh Gia B, sinh ngày xxxx và Huỳnh Gia H, sinh ngày xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, nhận thấy:

Vợ chồng chị kết hôn năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện TV, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 342 ngày 28/11/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn; theo chị T trình bày thì nguyên nhân do tính anh L hay cằn nhằn, khó khăn; trước đây anh còn hay đánh đập chị nên nay chị xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T; điều này cho thấy anh không còn tha thiết đến cuộc hôn nhân này. Từ những tình tiết nêu trên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên

cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 03 người con chung tên Huỳnh Phương L1, sinh ngày xxxx; Huỳnh Gia B, sinh ngày xxxx và Huỳnh Gia H, sinh ngày xxxx. Xét việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là có cơ sở chấp nhận, vì hiện các cháu sống cùng chị đã ổn định cuộc sống về mọi mặt; cháu L1 và cháu B đều có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng chị; hơn nữa anh L cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cả 03 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng (tại thời điểm xét xử là 745.000 đồng/tháng/người con). Thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

2. Về nuôi con chung:

- Giao 03 con chung tên Huỳnh Phương L1, sinh ngày xxxx; Huỳnh Gia B, sinh ngày xxxx và Huỳnh Gia H, sinh ngày xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng (hiện tương đương 745.000 đồng/tháng/người con), thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028210 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND TT. Đ,
Huyện TV, Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.